

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10749/CT-TTHT
V/v: Chính sách thuế

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Techno Associe Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà A, khu vườn ươm doanh nghiệp, lô D1, đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7
Mã số thuế: 0314456805

Trả lời văn bản số TAV/201709_01 ngày 28/9/2017 của Công ty về chính sách thuế, Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân (TNCN):

- Tại Khoản 2 Điều 2 quy định các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công bao gồm:

“Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

...

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

...”

- Tại Điều 18 quy định căn cứ tính thuế đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:

“1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

Việc xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công tại Việt Nam trong trường hợp cá nhân không cư trú làm việc đồng thời ở Việt Nam và nước ngoài nhưng không tách riêng được phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam thực hiện theo công thức sau:

a) Đối với trường hợp cá nhân người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam:

$$\text{Tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam} = \frac{\text{Số ngày làm việc cho công việc tại Việt Nam}}{\text{Tổng số ngày làm việc trong năm}} \times \text{Thu nhập từ tiền lương, tiền công toàn cầu (trước thuế)} + \text{Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam}$$

Trong đó: Tổng số ngày làm việc trong năm được tính theo chế độ quy định tại Bộ Luật Lao động của Việt Nam.

b) Đối với các trường hợp cá nhân người nước ngoài hiện diện tại Việt Nam:

$$\text{Tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam} = \frac{\text{Số ngày có mặt ở Việt Nam}}{365} \times \text{Thu nhập từ tiền lương, tiền công toàn cầu (trước thuế)} + \text{Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam}$$

Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam tại điểm a, b nêu trên là các khoản lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền mà người lao động được hưởng ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả hoặc trả hộ cho người lao động.”

- Tại Điều 27 quy định Trách nhiệm của tổ chức Việt Nam ký hợp đồng mua dịch vụ của nhà thầu nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam:

“Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam (sau đây gọi tắt là bên Việt Nam) có ký hợp đồng mua dịch vụ của nhà thầu nước ngoài mà nhà thầu đó có ký hợp đồng lao động với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam thì bên Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho nhà thầu nước ngoài về nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân của người lao động nước ngoài và về trách nhiệm cung cấp các thông tin về người lao động nước ngoài, gồm: danh sách, quốc tịch, số hộ chiếu, thời gian làm việc, công việc đảm nhận, thu nhập cho bên Việt Nam để bên Việt Nam cung cấp cho cơ quan thuế chậm nhất trước 07 ngày kể từ ngày cá nhân nước ngoài bắt đầu làm việc tại Việt Nam.”

Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (gọi tắt là thuế nhà thầu):

- Tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 quy định doanh thu tính thuế GTGT:

“Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài

nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).”

- Tại Điểm a Khoản 1 Điều 13 quy định doanh thu tính thuế TNDN:

“Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).”

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

...

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

...

2.37. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt mức quy định được khấu trừ theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân”.

Trường hợp Công ty ký hợp đồng với Công ty Techno Associe Hongkong (nhà thầu nước ngoài) cung cấp dịch vụ hỗ trợ thì doanh thu tính thuế nhà thầu bao gồm cả các khoản chi phí do Công ty trả thay nhà thầu nước ngoài như tiền vé máy bay, tiền khách sạn, tiền trợ cấp công tác

phí và thuế TNCN cho nhân viên của nhà thầu nước ngoài. Trường hợp tại hợp đồng quy định doanh thu nhà thầu nhận được không bao gồm thuế GTGT và thuế TNDN thì Công ty phải quy đổi thành doanh thu có thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC và áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu là 5% và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 5%.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài cử chuyên gia sang Việt Nam để hỗ trợ Công ty, thu nhập tiền lương, tiền công của chuyên gia này do nhà thầu trực tiếp chi trả thì Công ty (đơn vị mua dịch vụ của nhà thầu) có trách nhiệm thông báo với nhà thầu về nghĩa vụ nộp thuế TNCN của người lao động nước ngoài và về trách nhiệm cung cấp thông tin về người lao động nước ngoài và Công ty có trách nhiệm thông tin cho cơ quan thuế theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 111/2013; người lao động nước ngoài nhận thu nhập tiền lương, tiền công đối với công việc phát sinh tại Việt Nam do nhà thầu nước ngoài chi trả phải khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế Việt Nam (căn cứ tính thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC). Trường hợp theo thỏa thuận ký với nhà thầu nước ngoài, Công ty sẽ thanh toán tiền thuế TNCN cho chuyên gia này thì Công ty phải khấu trừ thuế TNCN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (nếu là cá nhân không cư trú).

Trường hợp theo thỏa thuận của hợp đồng khoản thuế TNDN nộp thay nhà thầu và khoản thuế TNCN nộp thay cho chuyên gia nước ngoài Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Phòng KT1;
 - Phòng PC;
 - Lưu: VT, TTHT.
- 2119-35903280/2017-ttq

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Duy Minh